

Bản án số: 11/2019/HS-PT  
Ngày 29-01-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Rết.

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Đức Khải.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Minh Thích-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/TLPT-HS ngày 03/01/2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị U do có kháng cáo của các bị cáo A, U đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị A** (Tên gọi khác: U H); Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1946; Nơi sinh: Huyện N, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: không biết chữ; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Nguyễn Thành C, sinh năm 1928 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1925 (đã chết); Chồng: Tiêu Văn H, sinh năm 1945 (chết); được 05 người con, lớn nhất sinh năm 1969, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị U** (Tên gọi khác: bà N); Giới tính: nữ; Sinh năm: 1961; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: không biết chữ; Tiền án, tiền sự: không; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1935 (chết); Chồng: Nguyễn Thanh N, sinh năm 1959; được 05 người con,

lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1988; Bị cáo bị truy nã ngày 29/6/2018 đến ngày 04/10/2018 bị cáo bị bắt, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 04/10/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Các bị cáo Lê Thanh P, Bùi Thị Kim X, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị T, Trần Thị B, Võ Thị K, Dương Thị T1, Bùi Mỹ X1, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị L1, Trần Thị Ngọc B2, Trần Thị H, Trịnh Thị K1, Liễu Thị T2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ, NLQ1; Người làm chứng NLC1, NLC2, NLC3.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 30/9/2017, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết hợp Công an huyện T đã tiến hành kiểm tra bắt quả tang tụ điểm đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền tại nhà do Nguyễn Thị A (tên thường gọi là U H), sinh năm 1946 ngụ ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng quản lý sử dụng. Qua đó tiến hành thu giữ các tang vật gồm: 01 (một) bộ bài tây 52 lá; 02 (hai) chiếc chiếu; tiền Việt Nam thu tại chiếu bạc là 1.090.000 đồng; tiền Việt Nam thu giữ trên người các đối tượng: 24.540.000 đồng; tiền Việt Nam thu giữ khu vực trong nhà nơi đánh bạc 57.642.000 đồng; 13 điện thoại di động; 02 mảnh giấy có ghi nhiều con số. Có 25 đối tượng có liên quan tại thời điểm bắt quả tang gồm Nguyễn Thị A, Liễu Thị T2, NLC2, NLC1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L1, Tiêu Thúy K, Trần Thị Hồng V, Bùi Mỹ X1, Trần Thị H, Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị L, NLC3, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị Ngọc B1, NLQ, Võ Thị K, Trần Thị B, Bùi Thị Kim X, Huỳnh Thị N, Nguyễn Văn Đ, Lê Thanh P, Trần Thị Ngọc B2, Trịnh Thị K1, Dương Thị T1.

Quá trình điều tra xác định được địa điểm đánh bạc trái phép trên do Lê Văn T, sinh năm 1988, đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thuê nhà của Nguyễn Thị A đang quản lý sử dụng để cho các con bạc tham gia đánh bạc trái phép, T hưởng lợi bằng cách thu tiền xâu. Địa điểm đánh bạc diễn ra từ ngày 23/9/2017 đến khi bị bắt quả tang. T đã trả cho Anh tổng cộng 2.800.000 đồng tiền thuê nhà. Hình thức đánh bạc là chơi bài binh 06 lá (còn gọi là bài ăn độ), có 01 tụ cái và tối đa 07 tụ tay em, mỗi tụ đặt từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Trong đó, tụ cái ăn thua trực tiếp với các tụ tay em, các tụ tay em không ăn thua với nhau và hình thức chơi cái lỗ (những người chơi đặt tiền vào giữa bàn bài nhưng không chia bài, nếu kết thúc ván bài tụ có lời thì ăn tụ này, lỗ thì thua tụ này). Ngày 30/9/2017, T không có mặt tại nhà A để thu tiền xâu, Lê Thanh P là anh ruột của T đứng ra thu tiền xâu của các con bạc. Trong ngày 30/9/2017, những người tham gia đánh bạc thể hiện như sau:

Nguyễn Thị Thanh L (Nguyễn Thị L) đến nhà A khoảng hơn 13 giờ để tham gia đánh bạc, mang theo 3.000.000 đồng. L làm cái tổng cộng 09 bàn, mỗi bàn cố định 1.000.000 đồng. Đến khi bị bắt quả tang L thua 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng đã ném bỏ tại hiện trường, bị tạm giữ 01 điện thoại di động.

Trần Thị Hồng V đến nhà A khoảng 13 giờ để chơi đánh bài ăn tiền, mang theo 1.900.000 đồng, chơi đặt tụ tay em 07 bàn (05 bàn đặt cược 300.000 đồng, 02 bàn đặt cược 200.000 đồng) và 04 bàn làm cái, chơi đến khi bị bắt thua 1.600.000 đồng, còn lại 300.000 đồng bị tạm giữ cùng 01 điện thoại di động.

Trịnh Thị K1 đến nhà A khoảng hơn 11 giờ để tham gia đánh bạc trái phép, mang theo trong người 400.000 đồng, chơi hình thức cái lỗ, mỗi bàn đặt cược 50.000 đồng, không nhớ chơi bao nhiêu bàn. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K1 ăn được 300.000 đồng thì nghỉ để về nhà ăn cơm. Sau đó, K1 tiếp tục quay lại nhà A định chơi tiếp, nhưng vừa mới vào thì đã bị lực lượng Công an bắt quả tang, không bị tạm giữ tài sản.

Bùi Thị Kim X mang theo 14.310.000 đồng đến nhà của A khoảng 14 giờ để đóng hụi cho Liễu Thị T2 (tên gọi khác là Sư phụ). Khi đến X thấy trong nhà A có đánh bài ăn tiền nên không đóng hụi mà vào tham gia chơi. X ké tụ tay em của Nguyễn Thị L1 04 bàn, mỗi bàn cược 100.000 đồng, trong đó 02 bàn ăn, 02 bàn thua. Từ bàn thứ năm trở đi, X trực tiếp chơi tụ tay em để xem bài, có bàn cược 100.000 đồng, có bàn cược 200.000 đồng, không nhớ chính xác chơi bao nhiêu bàn. Đến khi bị bắt quả tang X thua 2.000.000 đồng, bị tạm giữ 12.310.000 đồng và 01 điện thoại di động.

Huỳnh Thị N mang theo 3.570.000 đồng đến nhà của A khoảng hơn 13 giờ 30 phút để thuê Tiêu Thúy K (con ruột A) gọi đầu. Trong lúc chờ K gọi đầu, N thấy trong nhà A có đánh bài ăn tiền nên vào tham gia chơi. N chơi ké tụ tay em của X 01 bàn với số tiền là 100.000 đồng và thua. Sau đó, N đi ra nhà trước, một lúc sau N quay trở vào tiếp tục chơi ké tụ của Nguyễn Thị L1 tổng cộng 04 bàn, mỗi bàn 100.000 đồng, đều thua, bàn thứ năm đang chia bài thì bị bắt quả tang, tổng cộng thua 600.000 đồng, còn lại 2.970.000 đồng bị tạm giữ cùng 01 điện thoại di động.

Nguyễn Thị T đến nhà A khoảng 13 giờ để thuê K gọi đầu, mang theo 700.000 đồng, gọi xong T thấy ở nhà sau của A có đánh bài ăn tiền nên vào tham gia. T ké tụ tay em của L1 01 bàn thua 200.000 đồng. Sau đó, T chơi cái lỗ 03 bàn, mỗi bàn cược 100.000 đồng, cả 03 bàn đều thua, còn 200.000 đồng đặt cược chuẩn bị chơi bàn cuối thì bị bắt quả tang, bị tạm giữ 01 điện thoại di động.

Trần Thị B đến nhà A khoảng hơn 14 giờ 30 phút, mang theo 600.000 đồng để tham gia đánh bạc. B chơi ké tụ của Nguyễn Thị N1 khoảng 09 bàn, mỗi bàn đặt cược 50.000 đồng, đến khi bị bắt B thua 300.000 đồng. Quá trình bị bắt đã làm rút 260.000 đồng tại hiện trường, còn lại 40.000 đồng bị tạm giữ.

Võ Thị K đến nhà bà A để khoảng 14 giờ, mang theo 840.000 đồng để tham gia đánh bạc, chơi cái lỗ 03 bàn, mỗi bàn đặt cược 100.000 đồng, bàn thứ nhất và thứ hai hòa, bàn thứ ba đang chia bài thì bị bắt quả tang, quá trình bị bắt

do hoảng sợ nên K ném bỏ số tiền trên người tại hiện trường, còn lại 40.000 đồng bị tạm giữ.

Dương Thị T1 đến nhà bà A khoảng hơn 14 giờ 30 phút để lấy tiền Nguyễn Thị T mang theo 600.000 đồng. Khi vào T1 thấy đánh bài nên vào tham gia chơi. T1 đặt tụ tay em tổng cộng 03 bàn, bàn thứ nhất đặt cược 200.000 đồng, bàn thứ hai và thứ ba đặt cược mỗi bàn 100.000 đồng, đều thua tụ cái của Hồng V, định chơi bàn tiếp theo thì bị bắt quả tang nên ném bỏ 200.000 đồng còn lại tại hiện trường.

Nguyễn Thị N1 đến nhà bà A cùng với Phạm Thị Ngọc B1 lúc khoảng hơn 14 giờ để tham gia đánh bài ăn tiền. N1 mang theo 400.000 đồng, chơi đặt tụ tay em, mỗi bàn đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, chơi được 09 bàn thì bị bắt, thua 300.000 đồng, còn lại 100.000 đồng đặt cược bàn cuối, đang chia bài thì bị bắt quả tang, bị tạm giữ 01 điện thoại di động.

Phạm Thị Ngọc B1 đến nhà A khoảng 14 giờ tham gia đánh bài ăn tiền, đi cùng với Nguyễn Thị N1. Phạm Thị Ngọc B1 mang theo 600.000 đồng, chơi ké tụ tay em 02 bàn, bàn thứ nhất cược 50.000 đồng, bàn thứ hai đặt cược 30.000 đồng, cả 02 bàn đều thua, khi bị bắt quả tang đã làm rớt mất 470.000 đồng tại hiện trường, còn lại 50.000 đồng bị tạm giữ.

Nguyễn Thị L1 đến nhà A khoảng hơn 12 giờ để tham gia đánh bạc, mang theo 1.500.000 đồng. L1 chơi thanh tụ cái, mỗi bàn 200.000 đồng. Chơi đến khoảng 14 giờ 30 phút, thua 1.400.000 đồng, xâu cho P 03 lần, tổng cộng 60.000 đồng, còn 40.000 đồng nên L1 nghỉ chơi và đứng xem đến khi bị bắt quả tang, làm rớt 40.000 đồng tại hiện trường, bị thu giữ 01 điện thoại di động.

Bùi Mỹ X1 đến nhà Ánh khoảng 14 giờ để gom tiền hụi, đi cùng Trần Thị Ngọc B2, X1 mang theo 800.000 đồng. Lúc vào nhà X1 thấy ở nhà sau của A có đánh bài ăn tiền nên vào tham gia với hình thức thanh tụ cái của Hồng V, chơi 03 bàn, mỗi bàn đặt cược 100.000 đồng, thua 300.000 đồng, đến bàn thứ tư đặt cược 100.000 đồng, khi V đang chia bài thì bị bắt quả tang, còn 400.000 đồng X1 ném bỏ tại hiện trường.

Trần Thị Ngọc B2 đến nhà của A khoảng hơn 13 giờ để tham gia đánh bài ăn tiền cùng Bùi Mỹ X1, mang theo 550.000 đồng, chơi ké tụ của T1 03 bàn, mỗi bàn đặt cược 100.000 đồng, cả 03 bàn đều thua, tổng cộng 300.000 đồng. Khi chuẩn bị chơi tiếp thì bị bắt quả tang, bị tạm giữ 250.000 đồng.

Trần Thị H đến nhà A khoảng hơn 14 giờ để lấy cặn cho heo ăn, mang theo 350.000 đồng. H thấy có đánh bài ăn tiền nên vào tham gia, chơi ké tụ tay em (không nhớ là ai) 04 bàn, mỗi bàn đặt cược 50.000 đồng, thua tổng cộng 200.000 đồng. Đến bàn thứ năm chuẩn bị chơi tiếp thì bị bắt quả tang, còn 150.000 đồng để ở khu vực chiếu bạc bị thu giữ.

Nguyễn Thị U đến nhà A khoảng 13 giờ để thuê K gọi đầu, mang theo 300.000 đồng. Khi vào U thấy có đánh bài ăn tiền nên vào tham gia, chơi ké tụ tay em (không nhớ là ai) được 05 đến 06 bàn, thua hết 300.000 đồng nên ở lại xem thêm một lúc thì bị bắt quả tang, bị tạm giữ 01 điện thoại di động.

Liều Thị T2 đến nhà A khoảng 13 giờ để gom tiền hụi của X, K, V đồng thời giao tiền hốt hụi cho A với số tiền hơn 20.000.000 đồng. Sau khi giao tiền hụi xong, T2 đi ra nhà sau của A để gom tiền hụi của Hồng V, X. Trong lúc chờ gom tiền hụi, T2 đợi khi tụ cái may mắn thì theo tụ cái, chơi không liên tục với hình thức cái lỗ tổng cộng 02 bàn, mỗi bàn 50.000 đồng, ăn được 100.000 đồng, khi bị bắt quả đã làm rớt 100.000 đồng ăn được tại hiện trường, bị thu giữ 01 điện thoại di động.

Nguyễn Thị A khai nhận là người trực tiếp quản lý và sử dụng căn nhà. A cho Lê Văn T là em ruột của Lê Thanh P thuê nhà để cho những người khác đến đánh bạc, T hưởng lợi bằng cách thu tiền xâu của những người chơi. Giá thuê thỏa thuận nếu chơi cả ngày và đêm thì T trả cho A 700.000 đồng, còn chỉ ban ngày thì 350.000 đồng, từ lúc bắt đầu hoạt động đến ngày bị bắt khoảng 01 tuần, T đã trả cho bà A 04 lần tổng cộng 2.800.000 đồng, ngày 30/9/2017 chưa trả tiền cho A. Những ngày trước đó T là người trực tiếp đứng ra thu tiền xâu. Riêng ngày 30/9/2017, T không đến thu tiền xâu mà P đứng ra thu tiền xâu. A không tham gia đánh bạc, lúc bị bắt quả tang bị tạm giữ 440.000 đồng.

Lê Thanh P khai nhận trong ngày 30/9/2017 mang theo 300.000 đồng đến nhà A để tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, khi đến nơi không thấy ai đứng ra xâu tiền nên P không tham gia đánh bài mà trực tiếp đứng ra xâu tiền của những người chơi bài và sẽ trả tiền thuê nhà cho các bị cáo chơi bài cho bà A. Khi xâu được khoảng 80.000 đồng, chuẩn bị xâu nhận 20.000 đồng của Hồng V thì bị bắt quả tang nên làm rớt toàn bộ số tiền tại hiện trường.

Các bị cáo tham gia đánh bạc khai tổng số tiền mang theo đánh bạc là 30.520.000 đồng, không đúng với tổng số tiền thực tế thu trong lúc bắt quả tang chứng minh được các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 44.692.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

\* Căn cứ áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 3 Điều 249; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lê Thanh P.

+ Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh P** phạm tội “Gá bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thanh P 01 (một) năm tù, thời gian phạt tù tính từ ngày 26/10/2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thanh P số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

\* Căn cứ áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53; khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị A.

+ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị A** phạm tội “Gá bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 03 (ba) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị A số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

\* Căn cứ áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo Bùi Thị Kim X, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị U.

+ Tuyên bố các bị cáo **Bùi Thị Kim X, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị U** phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim X 03 (ba) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thị Kim X số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N 03 (ba) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Thị N số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 03 (ba) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị U số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

\* Căn cứ áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 BLHS 2015; khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, 33, 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh L.

+ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thanh L** phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 09 (*chín*) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh L số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

\* Căn cứ áp dụng áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, 33, 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo: Nguyễn Thị T, Trần Thị B, Võ Thị K, Dương Thị T1, Bùi Mỹ X1, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị L1 và Liễu Thị T2.

+ Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị T, Trần Thị B, Võ Thị K, Dương Thị T1, Bùi Mỹ X1, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị Ngọc B1, Nguyễn Thị L1 và Liễu Thị T2** phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị B 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị B số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị K 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Thị K số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Dương Thị T1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Dương Thị T1 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Bùi Mỹ X1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Mỹ X1 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị N1 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc B1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc B1 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị L1 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Liễu Thị T2 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Liễu Thị T2 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

\* Căn cứ áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 3 Điều 248 các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, 33, 53 và Điều 60 Bộ

luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo: Trịnh Thị K1, Trần Thị H:

+ Tuyên bố bị cáo các bị cáo **Trịnh Thị K1, Trần Thị H** phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Thị K1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Thị K1 số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị H 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị H số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

\* Căn cứ Nghị quyết 41 Quốc hội XIV, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 3 Điều 248; Các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 20, 33, 53 đối với bị cáo Trần Thị Ngọc B2

+ Tuyên bố bị cáo bị cáo **Trần Thị Ngọc B2** phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc B2 03 (ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Ngọc B2 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 07/12/2018, bị cáo Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị U kháng cáo xin hưởng án treo và miễn hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo A giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và miễn hình phạt tiền

- Bị cáo U giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và miễn hình phạt tiền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo, xin miễn hình phạt của bị cáo A và bị cáo U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị U lập ngày 07/12/2018 và nộp cho Tòa án nhân dân huyện T vào ngày 07/12/2018 và bị cáo A đến Tòa án nhân dân huyện T trình bày kháng cáo trực tiếp ngày 07/12/2018 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo A và U.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị U như sau: Vào ngày 30/9/2017, bị cáo U cùng các bị cáo khác trong vụ án tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền tại nhà Nguyễn Thị A, sinh năm 1946 ngụ ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng quản lý sử dụng. Tổng số tiền thực tế thu trong lúc bắt quả tang chứng minh được các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 44.692.000 đồng. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo A phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và bị cáo U phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo A: Xét điều kiện để hưởng án treo của bị cáo A thì thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tốt, Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo, tuy nhiên, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị A là dùng nhà ở của mình để chi các bị cáo khác đánh bạc và thu lợi bất chính do đó tính chất, mức độ nguy hiểm của bị cáo cần xử lý tù giam để nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm. Hơn nữa khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã đánh giá mức độ hành vi của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị A.

[4] Xét kháng cáo xin miễn hình phạt tiền của bị cáo A: Xét thấy, theo khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Cấp sơ thẩm xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị A số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) là đúng quy định pháp luật, do đó kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo U: Xét điều kiện để hưởng án treo của các bị cáo U thì thấy, Theo quy định khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao quy định những trường hợp không được hưởng án treo là “Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã” trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị U bị Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện T ra Quyết định truy nã số 03/QĐ-CSĐT ngày 29/6/2018 nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị U.

[6] Xét kháng cáo xin miễn hình phạt tiền của bị cáo U: Xét thấy, theo khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng*”. Cấp sơ thẩm xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị U số tiền là 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*) là đúng quy định pháp luật, kháng cáo của bị cáo U về miễn hình phạt bổ sung là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm vì đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo và xin miễn hình phạt tiền của bị cáo Nguyễn Thị A và bị cáo Nguyễn Thị U.

2. Áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV; khoản 3 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53; khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị A.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 03 (ba) tháng tù về tội “Gá bạc”. Thời gian phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị A số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Áp dụng Nghị quyết 41 Quốc hội XIV, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, 3 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thị U.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Đồng thời xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị U số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện T (02);
- VKSND huyện T (01);
- CQĐT - Công an huyện T (01);
- CQTHAHS-Công an huyện T (01);
- Chi cục THADS huyện T (01);
- Bị cáo (02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Thái Rết**